TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST.
Ngày 20/12/2024.
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lý Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Mên.

Ông Lê Văn Được.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chung Hữu Toàn, là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Tấn An – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2024/TLST-HNGĐ, ngày 09/9/2024, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST-HN, ngày 13/11/2024 và Quyết định hoãn phiên toà số: 20/2024/QĐST-HN, ngày 03/12/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Mỹ T, sinh năm 1997. Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

Bị đơn: Anh Lê Văn T1, sinh năm 1995. Địa chỉ: Ấp R, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt lần thứ 2, không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ T trình bày:

- *Về hôn nhân:* Chị và anh T1 xác lập hôn nhân và có đăng ký kết hôn ngày 18/11/2015 tại UBND xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn, nữ trang ngày cưới bán hết không còn. Quá trình chung sống đến năm 2021 thì

phát sinh mâu thuẫn về lối sống ứng xử giao tiếp và tình cảm, anh T1 bỏ nhà đi chơi nhiều ngày, ít quan tâm đến gia đình, anh T1 uống rượu thường xuyên, mỗi lần uống rượu về nhà là kiếm chuyện dẫn đến gây gỗ cải vã đánh nhau, sự việc diễn ra thời gian dài nhưng anh T1 không sửa đổi tính tình nên không chung sống được, vợ chồng sống ly thân từ tháng 12 năm 2023 cho đến nay, tình cảm không còn, không hàn gắn được. Nay chị yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn T1.

- *Về nuôi con tên:* Lê Trần Hiếu N, sinh ngày 19/9/2015 và Lê Trần Như Ý, sinh ngày 25/01/2018, hai con đang sống với chị. Chị xin được quyền nuôi dưỡng 02 người con khi ly hôn.

- *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu phải trả:* Chị không tranh chấp, không khởi kiện.

Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa xét xử lần thứ hai, anh Lê Văn T1 là bị đơn trong vụ án, anh T1 vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, Lê Trần Hiếu N, sinh ngày 19/9/2005 trình bày: Trường hợp cha mẹ ly hôn với nhau, nguyện vọng của con xin được sống với mẹ.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên.

- *Về việc tuân theo pháp luật*: Thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tống đạt đầy đủ. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh T1; giao 02 người con tên Lê Trần Hiếu N, sinh ngày 19/9/2015 và Lê Trần Như Ý, sinh ngày 25/01/2018 cho chị T nuôi dưỡng khi ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả do các đương sự không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét giải quyết. Buộc chị T nộp án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Xét thấy anh Lê Văn T1 là bị đơn trong vụ án, tại phiên tòa xét xử lần thứ hai, anh Lê Văn T1 vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy chị T khởi kiện yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1, chị xin được quyền nuôi dưỡng 02 người con khi ly hôn, ngoài ra chị T không yêu cầu gì khác. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ

luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn:

- *Về hôn nhân*: Xét thấy chị T và anh T1 xác lập hôn nhân và có đăng ký kết hôn ngày 18/11/2015 tại UBND xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn, xác định đây là hôn nhân hợp pháp. nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng:

- *Chị Trần Thị Mỹ T khai*: Quá trình chung sống đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn về lối sống ứng xử giao tiếp và tình cảm, anh T1 bỏ nhà đi chơi nhiều ngày, ít quan tâm đến gia đình, anh T1 uống rượu thường xuyên, mỗi lần uống rượu về nhà là kiếm chuyện dẫn đến gây gỗ cải vã đánh nhau, sự việc diễn ra thời gian dài nhưng anh T1 không khắc phục, chị và anh T1 sống ly thân từ tháng 12 năm 2023 và chấm dứt tình cảm vợ chồng cho đến nay, tình cảm không còn. Nay chị yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn T1.

- *Đối với anh Lê Văn T1*: Tòa án có giao thông báo thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho bà Lê Thị C (mẹ ruột anh T1) nhận và cam kết giao lại cho anh T1 để anh T1 tham gia tố tụng thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Tại các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 17/10/2024 và ngày 29/10/2024 anh T1 đều vắng mặt không lý do nên phiên hòa giải đoàn tụ không tiến hành được. Ngày 03/12/2024 Tòa án mở phiên tòa xét xử lần thứ nhất anh T1 vắng mặt và hôm nay ngày 20/12/2024 Tòa án mở phiên tòa xét xử lần thứ hai anh T1 tiếp tục vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án anh T1 không hợp tác để cung cấp lời khai cho Tòa án, anh T1 cũng không gửi văn bản trình bày về quan hệ hôn nhân mà chị T khởi yêu cầu giải quyết, từ đó cho thấy khả năng hàn gắn đoàn tụ vợ chồng là không có kết quả.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh T1 xảy ra từ tháng 12 năm 2013 kéo dài đến nay, anh chị đều bỏ mặt, mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến tình nghĩa vợ chồng, tháng 4 năm 2024 chị T đã nộp đơn xin ly hôn, Tòa án thụ lý giải quyết, do mẹ chồng bà Lê Thị C yêu cầu chị rút lại đơn kiện để bà giáo dục anh T1, từ đó chị T đã rút lại đơn kiện và Tòa án đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số: 67/2024/QĐST-DS-HNGĐ, ngày 31/5/2024, sau khi rút đơn kiện chị T và anh T1 không chung sống với nhau, mâu thuẫn tiếp tục phát sinh, tính đến nay vợ chồng ly thân hơn 01 năm, tại phiên tòa chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn và cương quyết ly hôn không chung sống với anh T1. Từ đó làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh T1 là đúng quy định của pháp luật.

- *Về nuôi con:* Xét thấy chị T và anh T1 chung sống sinh 02 người con tên Lê Trần Hiếu N, sinh ngày 19/9/2015 (có nguyện vọng sống với mẹ) và Lê Trần Như Ý, sinh ngày 25/01/2018. Trong thời gian sống ly thân, chị T vẫn nuôi con chăm sóc

chu đáo về mọi mặt, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị T xin được quyền nuôi 02 người con khi ly hôn. Đối với anh T1 thì không hợp tác để cung cấp lời khai cho Tòa án, anh T1 cũng không gửi văn bản trình bày về quyền nuôi con mà chị T khởi kiện yêu cầu giải quyết. Để tạo điều kiện cho 02 người con có cuộc sống ổn định, nhằm phát triển lành mạnh về thể chất và tinh thần, Hội đồng xét xử giao 02 người con cho chị T được quyền chăm sóc nuôi dưỡng khi ly hôn là đúng quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

- *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng, số nợ phải thu, phải trả:* Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, do các đương sự không tranh chấp, không khởi kiện. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Trần Thị Mỹ T có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng.

[5]. Xét lời của Kiểm sát viên trình bày về trình tự thủ tục tố tụng và hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với quy định pháp luật và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 147, 228; 235, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị Mỹ T.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Mỹ T được ly hôn với anh Lê Văn T1.

2. Về quyền nuôi con:

- Chị Trần Thị Mỹ T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng 02 người con tên Lê Trần Hiếu N, sinh ngày 19/9/2015 và Lê Trần Như Ý, sinh ngày 25/01/2018, khi ly hôn.

- Anh Lê Văn T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Trần Thị Mỹ T nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số

0011278, ngày 09/9/2024 do chị T nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu. Chị Trần Thị Mỹ T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo:

+ Chị Trần Thị Mỹ T có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

+ Anh Lê Văn T1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày anh nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự"./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Thanh Lâm

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- UBND xã Hiệp Hòa, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.